

**BẢNG ĐIỂM KỶ THI**  
**CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN**

Ngày Thi: 21/6/2026

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
1	BKCB9133	Đông Xuân	An	10/10/2003	Ninh Bình	7,33	6,67	Đạt	
2	BKCB9134	Huỳnh Kim	An	03/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	5,67	Đạt	
3	BKCB9135	Phạm Thanh	An	17/07/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	6,17	Đạt	
4	BKCB9136	Phan Tấn	An	30/01/2004	Tây Ninh	8,67	8,33	Đạt	
5	BKCB9137	Lê Hoàng	Ấn	07/08/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	5,17	Đạt	
6	BKCB9138	Bùi Thị Quỳnh	Anh	25/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,5	Đạt	
7	BKCB9139	Đỗ Tuấn	Anh	27/10/1986	Thanh Hóa	8,33	8,33	Đạt	
8	BKCB9140	Hoàng Quốc	Anh	26/01/2013	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	4,67	Không đạt	Không có Ex
9	BKCB9141	Võ Nguyễn Trâm	Anh	15/05/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	3,67	0,0	Không đạt	
10	BKCB9142	Lê Thành Đức	Ánh	08/11/2005	Quảng Trị	6,67	8,0	Đạt	
11	BKCB9143	Đỗ Duy Anh	Bào	19/09/2001	Đồng Nai	8,33	9,0	Đạt	
12	BKCB9144	Nguyễn Toàn Gia	Bào	09/12/2006	Cà Mau	6,33	4,0	Không đạt	Không có Ex
13	BKCB9145	Phạm Hữu Thiên	Bào	16/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	6,33	Đạt	
14	BKCB9146	Cao Thị	Bình	08/11/1981	Thanh Hóa	9,33	8,5	Đạt	
15	BKCB9147	Tạ Long	Bình	08/10/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,5	Đạt	
16	BKCB9148	Lưu Yến	Châu	21/01/2004	Đắk Lắk	6,0	5,33	Đạt	
17	BKCB9149	Vũ Minh	Châu	03/01/2000	Lâm Đồng	10,0	9,33	Đạt	
18	BKCB9150	Võ Linh	Đan	11/08/2004	Lâm Đồng	8,0	7,17	Đạt	
19	BKCB9151	Nguyễn Văn	Đạt	23/09/1998	Đà Nẵng	10,0	9,67	Đạt	
20	BKCB9152	Võ Thị Minh	Diễm	19/03/2000	Quảng Ngãi	7,0	7,17	Đạt	
21	BKCB9153	Ngô Đình	Đình	02/04/2007	Hậu Giang	5,67	7,17	Đạt	
22	BKCB9154	Đặng Huỳnh Bội	Doanh	16/02/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,67	Đạt	
23	BKCB9155	Huỳnh Thị Ngọc	Dung	06/10/2001	Đồng Tháp	9,67	6,33	Đạt	
24	BKCB9156	Hoàng Anh	Dũng	10/03/1998	Lâm Đồng	9,0	9,5	Đạt	
25	BKCB9157	Lê Tiến	Dũng	11/10/1997	Hà Nội	5,67	5,33	Đạt	
26	BKCB9158	Lê Thị Thùy	Dương	27/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,67	Đạt	
27	BKCB9159	Nguyễn Lý Mỹ	Duyên	07/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,33	Đạt	
28	BKCB9160	Nguyễn Thị Hương	Giang	01/04/2003	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
29	BKCB9161	Đỗ Nguyễn Hải	Hà	15/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,67	8,83	Đạt	
30	BKCB9162	Đoàn Thanh	Hà	15/12/1995	Hà Nội	6,0	2,67	Không đạt	Không Ex, PPT
31	BKCB9163	Vũ Thúy	Hạ	28/11/2005	Nam Định	8,33	7,33	Đạt	
32	BKCB9164	Đỗ Hoàng	Hải	20/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	8,83	Đạt	
33	BKCB9165	Lê Ngọc	Hân	04/02/2005	Bình Dương	8,67	8,67	Đạt	
34	BKCB9166	Phạm Ngọc	Hân	03/07/2004	Cà Mau	7,67	8,17	Đạt	
35	BKCB9167	Trần Thị Thúy	Hằng	29/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,67	Đạt	
36	BKCB9168	Cù Thị Mai	Hiền	30/10/2005	Lâm Đồng	6,0	5,83	Đạt	
37	BKCB9169	Nguyễn Trung	Hiếu	15/02/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	7,83	Đạt	
38	BKCB9170	Quách Minh	Hiếu	20/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
39	BKCB9171	Hồ Lê Việt	Hoàng	02/02/2000	Gia Lai				Vắng
40	BKCB9172	Hồ Trần Huy	Hoàng	21/11/1999	Gia Lai	5,33	7,0	Đạt	
41	BKCB9173	Vũ Thị Ánh	Hồng	10/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	5,0	Đạt	
42	BKCB9174	Nguyễn Trịnh Xuân	Hợp	22/11/1998	Quảng Bình	8,33	9,0	Đạt	
43	BKCB9175	Nguyễn Minh	Hùng	09/02/2000	Đồng Nai	10,0	9,5	Đạt	
44	BKCB9176	Phạm Tuấn	Hùng	10/11/2003	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,67	Đạt	
45	BKCB9177	Đoàn Lê	Hung	16/01/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,67	Đạt	
46	BKCB9178	Thiều Hoàng Gia	Hung	15/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	6,67	6,83	Đạt	
47	BKCB9179	Nguyễn Ngọc	Hương	12/04/2000	Đồng Tháp	9,33	8,33	Đạt	
48	BKCB9180	Nguyễn Thị Thúy	Hương	21/2/1999	Vĩnh Long	8,67	9,0	Đạt	
49	BKCB9181	Giang Mạnh	Huy	16/01/1999	Đồng Nai	7,0	7,67	Đạt	
50	BKCB9182	Đinh Thị Khánh	Huyền	29/02/2004	Nha Trang				Vắng
51	BKCB9183	Trương Thị Khánh	Huyền	23/11/1999	Thái Bình	7,0	8,67	Đạt	
52	BKCB9184	Đoàn Trọng	Kha	02/12/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,5	Đạt	
53	BKCB9185	Trần Minh	Khâm	27/03/2004	Gia Lai	9,0	8,83	Đạt	
54	BKCB9186	Huỳnh Phúc	Khang	14/08/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	5,17	Đạt	
55	BKCB9187	Phạm Kim	Khánh	23/08/2001	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
56	BKCB9188	Phạm Nguyên	Khánh	07/04/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	7,83	Đạt	
57	BKCB9189	Huỳnh Đăng	Khoa	10/10/2004	Vĩnh Long	5,0	7,67	Đạt	
58	BKCB9190	Nguyễn Anh	Khoa	13/11/2007	Đồng Nai	8,0	5,83	Đạt	
59	BKCB9191	Võ Đình	Khuong	01/08/2002	Gia Lai	9,67	6,67	Đạt	
60	BKCB9192	Nguyễn Anh	Kiệt	14/02/2005	Bình Định	8,33	8,33	Đạt	
61	BKCB9193	Nguyễn Phạm Tuấn	Kiệt	31/10/2000	Hà Nội	7,0	8,33	Đạt	
62	BKCB9194	Nguyễn Thị	Kiều	01/03/2000	Cà Mau	8,0	8,67	Đạt	
63	BKCB9195	Nguyễn Thị Thiên	Kim	26/05/2000	Ninh Thuận	10,0	9,0	Đạt	
64	BKCB9196	Trần Lê Gia	Lạc	26/01/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	8,67	Đạt	
65	BKCB9197	Đặng Trần Thủy	Lan	01/10/1988	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	4,0	Không đạt	
66	BKCB9198	Tạ Quang	Lành	29/01/2005	Đắk Nông	9,0	6,0	Đạt	
67	BKCB9199	Hồ Thị Thùy	Linh	21/09/2002	Tây Ninh	8,67	8,67	Đạt	
68	BKCB9200	Lê Thị Thảo	Linh	11/09/2002	Thanh Hóa	10,0	8,33	Đạt	
69	BKCB9201	Nguyễn Hoàng Bảo	Linh	12/06/2004	Gia Lai	6,33	7,33	Đạt	
70	BKCB9202	Nguyễn Võ Nhật	Linh	11/07/1999	Vĩnh Long	9,33	8,5	Đạt	
71	BKCB9203	Trần Khánh Nguyên	Long	11/07/1987	Quảng Trị	10,0	8,83	Đạt	
72	BKCB9204	Võ Lê Khánh	Ly	04/10/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,83	Đạt	
73	BKCB9205	Đặng Thị Ngọc	Mai	02/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
74	BKCB9206	Huỳnh Thị Trúc	Mai	01/06/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
75	BKCB9207	Nguyễn Trần Xuân	Mai	27/01/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
76	BKCB9208	Nguyễn Đình Thanh	Minh	02/06/2004	Khánh Hòa	9,67	7,83	Đạt	
77	BKCB9209	Đặng Huyền	My	26/02/2002	Hung Yên	9,33	7,17	Đạt	
78	BKCB9210	Đặng Thảo	My	09/12/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
79	BKCB9211	Nguyễn Thị Diễm	My	10/01/2004	Long An	9,33	7,67	Đạt	
80	BKCB9212	Bùi Huỳnh Ngọc	Nga	15/06/2004	Đồng Nai	7,0	7,0	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên	Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
81	BKCB9213	Vũ Thị Thuý	Nga	10/07/1991	Hải Phòng	7,67	6,67	Đạt
82	BKCB9214	Mai Thị Kim	Ngân	24/8/2004	An Giang	9,33	6,0	Đạt
83	BKCB9215	Phạm Thị Tuyết	Ngân	20/12/2001	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	9,33	Đạt
84	BKCB9216	Tô Kim	Ngân	26/01/2004	Đắk Lắk	7,33	8,0	Đạt
85	BKCB9217	Trần Nguyễn Thanh	Ngân	02/06/2007	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	6,33	Đạt
86	BKCB9218	Phạm Thái	Nghi	02/03/2004	Đồng Nai	9,33	9,0	Đạt
87	BKCB9219	Lê Văn	Nghĩa	08/07/1992	Bình Thuận	8,33	9,0	Đạt
88	BKCB9220	Nguyễn Ánh	Ngọc	26/07/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	5,67	6,0	Đạt
89	BKCB9221	Trần Thị Hồng	Ngọc	08/11/2004	Ninh Bình	8,67	5,33	Đạt
90	BKCB9222	Trần Võ Bảo	Ngọc	10/05/2004	Lâm Đồng	8,33	6,83	Đạt
91	BKCB9223	Nguyễn Lai Thảo	Nguyên	03/01/2003	Đồng Tháp	7,67	8,67	Đạt
92	BKCB9224	Trần Thanh	Nguyên	27/03/1997	Bến Tre	8,67	6,0	Đạt
93	BKCB9225	Ngô Thị Thanh	Nhàn	20/02/2005	Quảng Nam			Vắng
94	BKCB9226	Nguyễn Thiện	Nhân	18/03/2004	Đồng Nai	9,67	6,33	Đạt
95	BKCB9227	Nguyễn Thuý Thanh	Nhi	19/03/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,67	Đạt
96	BKCB9228	Doãn Yến	Nhi	17/10/2004	Đồng Nai	9,67	7,5	Đạt
97	BKCB9229	Lê Uyển	Nhi	23/02/2004	Vĩnh Long	9,33	7,83	Đạt
98	BKCB9230	Lý Ngọc Phương	Nhi	03/07/2000	Thành phố Hồ Chí Minh			Vắng
99	BKCB9231	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	30/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	9,67	8,5	Đạt
100	BKCB9232	Nguyễn Thị Phương	Nhi	14/05/1999	Đồng Nai	9,0	5,83	Đạt
101	BKCB9233	Nguyễn Thị Ý	Nhi	12/10/1990	Đắk Lắk	10,0	8,5	Đạt
102	BKCB9234	Trần Ngọc Uyên	Nhi	14/10/2004	Lâm Đồng	8,0	9,0	Đạt
103	BKCB9235	Đào Thanh Uyên	Như	06/06/1998	Thành phố Hồ Chí Minh			Vắng
104	BKCB9236	Nguyễn Cao Quỳnh	Như	28/08/1996	Vĩnh Long	9,0	9,17	Đạt
105	BKCB9237	Nguyễn Thị Ngọc	Như	17/04/2004	Tây Ninh	9,33	8,5	Đạt
106	BKCB9238	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	02/09/2006	Đồng Nai	9,33	9,17	Đạt
107	BKCB9239	Bạch Quỳnh	Như	28/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	7,0	Đạt
108	BKCB9240	Tạ Vũ Mai	Như	14/04/2001	Đồng Nai	9,5	8,5	Đạt
109	BKCB9241	Lưu Thị Hồng	Nhung	19/01/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,0	Đạt
110	BKCB9242	Trần Thị Hồng	Nhung	14/10/2006	Gia Lai	9,67	9,33	Đạt
111	BKCB9243	Hồ Thị Kim	Oanh	06/08/2006	Lâm Đồng	4,33	5,5	Không đạt
112	BKCB9244	Nguyễn Minh	Phát	13/08/2004	Cần Thơ	6,0	8,17	Đạt
113	BKCB9245	Trần Quang	Phát	04/11/2004	Đồng Tháp	7,67	7,67	Đạt
114	BKCB9246	Hoàng Chung	Phong	02/05/2001	Đồng Nai			Vắng
115	BKCB9247	Huỳnh Gia	Phú	03/08/2001	Gia Lai	9,0	9,0	Đạt
116	BKCB9248	Mã Vinh	Phú	11/01/2007	Cà Mau	9,33	6,83	Đạt
117	BKCB9249	Đinh Lê Uyên	Phương	06/01/2000	Lâm Đồng	9,33	7,17	Đạt
118	BKCB9250	Dương Hồng	Phương	31/03/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	7,0	Đạt
119	BKCB9251	Nguyễn Tri	Phương	17/07/1989	Thành phố Hồ Chí Minh			Vắng
120	BKCB9252	Phan Nguyễn Ngọc	Phương	14/08/1999	Lâm Đồng	7,67	8,67	Đạt
121	BKCB9253	Tổng Thị Trúc	Phương	24/10/2006	Đồng Nai			Vắng
122	BKCB9254	Hùynh Minh	Quân	25/10/1998	Quảng Ngãi	9,0	6,67	Đạt

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
123	BKCB9255	Huỳnh Ngọc Trúc	Quân	12/08/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	8,0	Đạt	
124	BKCB9256	Nguyễn Lê Minh	Quân	11/01/2000	Đắk Lắk	8,0	7,0	Đạt	
125	BKCB9257	Phạm Trần	Quang	12/07/2006	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,0	Đạt	
126	BKCB9258	Hồ Tấn	Quý	29/05/1983	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,5	Đạt	
127	BKCB9259	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	16/02/1983	Lâm Đồng	5,33	6,67	Đạt	
128	BKCB9260	Lê Nhã	Quyên	21/12/2006	Ninh Thuận	7,33	6,0	Đạt	
129	BKCB9261	Nguyễn Thị Phương	Quyên	23/03/2006	Tây Ninh	6,0	6,0	Đạt	
130	BKCB9262	Phạm Lê Ngọc Thảo	Quyên	02/04/2006	Khánh Hòa	9,67	7,0	Đạt	
131	BKCB9263	Vũ Phương	Quyên	14/12/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	7,33	6,5	Đạt	
132	BKCB9264	Nguyễn Thị Hồng	Sa	21/02/2006	Đắk Lắk	8,67	6,5	Đạt	
133	BKCB9265	Trần Quang	Sang	11/04/2004	Tây Ninh	10,0	9,33	Đạt	
134	BKCB9266	Trương Minh	Sang	05/01/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	7,67	9,33	Đạt	
135	BKCB9267	Bào Thanh	Tâm	13/10/2002	Đồng Tháp				Vắng
136	BKCB9268	Trần Thị	Tây	20/07/2004	Đắk Lắk	6,67	7,0	Đạt	
137	BKCB9269	Bùi Quyết	Thắng	20/07/1991	Đồng Nai	7,0	5,33	Đạt	
138	BKCB9270	Huỳnh Tuấn	Thành	05/08/2002	Lâm Đồng	7,67	8,5	Đạt	
139	BKCB9271	Mã Ngọc	Thành	07/04/2000	Cà Mau	10,0	9,0	Đạt	
140	BKCB9272	Phạm Ngọc	Thành	06/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	8,0	9,33	Đạt	
141	BKCB9273	Hồ Thị Thanh	Thảo	28/11/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,67	Đạt	
142	BKCB9274	Nguyễn Trần Phương	Thảo	27/7/2003	Đồng Tháp	10,0	7,33	Đạt	
143	BKCB9275	Phạm Thị Phương	Thảo	10/03/2004	Lâm Đồng	9,33	8,17	Đạt	
144	BKCB9276	Tô Thị Thu	Thảo	03/12/2001	Bình Phước	8,33	8,0	Đạt	
145	BKCB9277	Lê Phùng Minh	Thi	06/01/2002	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	8,33	Đạt	
146	BKCB9278	Phạm Huỳnh	Thi	25/07/2003	Đồng Tháp	10,0	8,0	Đạt	
147	BKCB9279	Dương Phước	Thịnh	24/03/2004	Vĩnh Long	9,33	8,0	Đạt	
148	BKCB9280	Bùi Trần Anh	Thư	11/02/2001	Đồng Nai	10,0	9,33	Đạt	
149	BKCB9281	Phạm Anh	Thư	24/09/2004	Lâm Đồng	9,67	7,67	Đạt	
150	BKCB9282	Phạm Minh	Thư	24/09/2004	Lâm Đồng	9,0	7,33	Đạt	
151	BKCB9283	Trần Diễm Đoan	Thư	20/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,33	8,0	Đạt	
152	BKCB9284	Nguyễn Văn	Thuận	09/01/2003	Tây Ninh	7,0	6,83	Đạt	
153	BKCB9285	Huỳnh Duy	Thương	23/11/2003	Lâm Đồng	8,67	7,33	Đạt	
154	BKCB9286	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	01/10/2003	Tây Ninh	5,67	6,67	Đạt	
155	BKCB9287	Vũ Thị Bích	Thúy	02/11/2002	Đồng Nai	9,33	7,0	Đạt	
156	BKCB9288	Huỳnh Ngọc	Thúy	28/11/1990	Tây Ninh	8,67	7,67	Đạt	
157	BKCB9289	Nguyễn Thị Thu	Thúy	25/03/2006	Đồng Nai	10,0	7,0	Đạt	
158	BKCB9290	Trần Minh	Thy	26/10/2005	Vĩnh Long	8,0	7,33	Đạt	
159	BKCB9291	Nguyễn Tân	Tiến	30/08/1990	Long An	9,33	8,17	Đạt	
160	BKCB9292	Hồ Trung	Tín	04/12/2004	Cần Thơ	8,33	7,33	Đạt	
161	BKCB9293	Nguyễn Huỳnh	Trâm	04/09/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	7,33	Đạt	
162	BKCB9294	Đặng Thị Kim	Trang	20/10/2005	Lâm Đồng	9,33	6,83	Đạt	
163	BKCB9295	Hồ Thị Thủy	Trang	23/10/2006	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
164	BKCB9296	Nhan Nguyễn Kiều	Trang	21/01/1999	Sóc Trăng	8,67	5,67	Đạt	

STT	SBD	Họ và Tên		Ngày Sinh	Nơi Sinh	Điểm lý thuyết	Điểm Thực hành	Kết quả	Ghi chú
165	BKCB9297	Cao Thị Nhật	Trình	05/11/2001	Quảng Ngãi	9,0	8,0	Đạt	
166	BKCB9298	Tô Ngọc Phương	Trình	14/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	8,67	Đạt	
167	BKCB9299	Trần Vĩnh	Trọng	17/02/2007	Quảng Ngãi	8,33	8,0	Đạt	
168	BKCB9300	Lê Thanh	Trúc	06/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	6,33	7,33	Đạt	
169	BKCB9301	Nguyễn Đạt Bửu	Trung	20/01/1994	Thành phố Hồ Chí Minh	5,0	7,33	Đạt	
170	BKCB9302	Nguyễn Huỳnh Anh	Tú	19/08/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	9,0	9,0	Đạt	
171	BKCB9303	Thi Đặng Hồng	Tú	06/06/2004	Quảng Ngãi	9,33	8,0	Đạt	
172	BKCB9304	Lê Nguyễn	Tuân	27/07/2004	Tây Ninh	9,33	8,0	Đạt	
173	BKCB9305	Đỗ Mạnh	Tuấn	15/03/2002	Thanh Hóa	9,67	7,83	Đạt	
174	BKCB9306	Nguyễn Ân Xuân	Tươi	25/01/2001	Lâm Đồng	6,33	6,67	Đạt	
175	BKCB9307	Trần Ngọc Cát	Tường	09/06/2004	Thành phố Hồ Chí Minh	8,33	7,33	Đạt	
176	BKCB9308	Hồ Thị Phương	Uyên	07/11/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	7,0	7,33	Đạt	
177	BKCB9309	Lê Thị	Vân	03/07/2005	Thành phố Hồ Chí Minh	10,0	6,33	Đạt	
178	BKCB9310	Lương Thị Hạ	Vi	27/09/1996	Gia Lai	10,0	8,0	Đạt	
179	BKCB9311	Nguyễn Hoàng	Vũ	08/08/2003	Lâm Đồng	9,67	6,0	Đạt	
180	BKCB9312	Lưu Lê Thảo	Vy	13/11/2004	Tây Ninh	7,33	6,5	Đạt	
181	BKCB9313	Nguyễn Ngọc Thanh	Vy	03/10/2004	Thành phố Hồ Chí Minh				Vắng
182	BKCB9314	Lê Thị	Xuân	02/03/1977	Hà Nội	8,0	5,17	Đạt	
183	BKCB9315	Trà Thị	Xuân	29/02/1996	Quảng Ngãi	6,0	8,33	Đạt	
184	BKCB9316	Trần Thị Như	Ý	07/03/2005	An Giang	8,67	7,17	Đạt	

Kết quả Đạt: Điểm lý thuyết (Trắc nghiệm)  $\geq 5$  và Điểm thực hành  $\geq 5$

Số lượng thí sinh: **184**  
Số lượng hiện diện: **167**

Số thí sinh đạt: **161**

Thư ký Hội đồng

Chủ tịch Hội đồng

Ngô Quang Nhật

Thoại Nam